

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xếp lương đối với người được tuyển dụng vào công chức

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức - Viên chức;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn xếp lương đối với người được tuyển dụng vào công chức.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn xếp lương đối với người được tuyển dụng vào công chức đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại Điều 20 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

2. Thông tư này áp dụng đối với người được tuyển dụng vào công chức quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện xếp lương

1. Việc xếp lương phải căn cứ vào thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), được bố trí làm công việc theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm. Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng thì không được tính để căn cứ xếp lương ở ngạch công chức tương ứng theo vị trí việc làm được tuyển dụng.

2. Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng xác định thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật làm công việc tương ứng với yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm tuyển dụng để xếp lương đối với người được tuyển dụng vào công chức.

Điều 3. Xếp lương đối với người được tuyển dụng vào công chức đã xếp lương theo các bảng lương đối với cán bộ, công chức, viên chức

Việc xếp lương đối với người được tuyển dụng vào công chức đã xếp lương theo các bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của nhà nước (Bảng 2, Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 như sau:

1. Trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp ngạch có cùng hệ số bậc lương đã hưởng thì xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng (kể cả tính thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ) sang hệ số bậc lương ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm được tuyển dụng. Thời gian hưởng lương mới được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở vị trí việc làm được tuyển dụng.

2. Trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp ngạch có hệ số bậc lương khác với hệ số bậc lương đã hưởng

a) Trường hợp chưa hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung: Căn cứ vào hệ số lương đã hưởng để xếp vào hệ số lương gần nhất (cao hơn hoặc thấp hơn) ở ngạch công chức được xếp. Thời gian hưởng lương mới được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở vị trí việc làm được tuyển dụng; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính như sau:

Đối với trường hợp xếp vào hệ số lương cao hơn gần nhất: Nếu chênh lệch giữa hệ số lương mới được xếp so với hệ số lương đã hưởng bằng hoặc lớn hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 bậc lương liền kề ở ngạch cũ thì được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở vị trí việc làm được tuyển dụng; nếu nhỏ hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 bậc lương liền kề ở ngạch cũ thì được tính kể từ ngày xếp hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ.

Đối với trường hợp xếp vào hệ số lương thấp hơn gần nhất: Được tính kể từ ngày xếp hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ.

b) Trường hợp đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung: Căn cứ vào tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng để xếp vào hệ số lương gần nhất (cao hơn hoặc thấp hơn) ở ngạch được xếp. Thời gian hưởng lương mới được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở vị trí việc làm được tuyển dụng; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính như quy định tại điểm a khoản này.

c) Trường hợp có hệ số lương đã hưởng hoặc có tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đã hưởng lớn hơn hệ số lương ở bậc cuối cùng trong ngạch được xếp thì xếp vào hệ số lương ở bậc cuối cùng trong ngạch được xếp và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương hoặc tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đã hưởng. Thời gian hưởng lương mới (kể cả hệ số chênh lệch bảo lưu) và thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở vị trí việc làm được tuyển dụng.

Hệ số chênh lệch bảo lưu (tính tròn số sau dấu phẩy 02 số) được hưởng trong suốt thời gian xếp ngạch công chức. Sau đó, nếu công chức tiếp tục được thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn ngạch hiện giữ thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương đang hưởng để xếp lương vào ngạch công chức theo vị trí việc làm mới đó và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày được xếp lương ở ngạch công chức theo vị trí việc làm mới đó.

Điều 4. Xếp lương đối với người được tuyển dụng vào công chức đã xếp lương theo cấp bậc quân hàm, cấp bậc hàm thuộc lực lượng vũ trang, cấp hàm cơ yếu, quân nhân chuyên nghiệp, sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an, người làm công tác cơ yếu xếp lương chuyên môn kỹ thuật cơ yếu

Sĩ quan, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang xếp lương cấp bậc quân hàm, cấp bậc hàm và người làm công tác cơ yếu xếp lương cấp hàm cơ yếu hoặc quân nhân chuyên nghiệp, sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an và người làm công tác cơ yếu xếp lương chuyên môn kỹ thuật cơ yếu khi được tuyển dụng vào làm công chức thì việc xếp lương vào ngạch công chức tương ứng theo vị trí việc làm được tuyển dụng thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 6, khoản 7 Mục III Thông tư số 79/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thay đổi công việc và các trường hợp được chuyển công tác từ lực lượng vũ trang, cơ yếu và công ty nhà nước vào làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước.

Điều 5. Xếp lương đối với người được tuyển dụng vào công chức chưa xếp lương theo bảng lương do nhà nước quy định

Trường hợp có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này thì việc xếp lương ở ngạch công chức tương ứng vị trí việc làm được tuyển dụng theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước (Bảng 2) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP như sau:

1. Trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, chuyên viên chính và tương đương có yêu cầu về thời gian kinh nghiệm công tác

Căn cứ vào tổng thời gian công tác được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng xác định phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, chuyên viên chính và tương đương, sau khi trừ số thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tương ứng với số thời gian kinh nghiệm công tác theo quy định của vị trí việc làm tuyển dụng, thời gian còn lại làm căn cứ để xếp lương ở ngạch công chức tương ứng theo vị trí việc làm được tuyển dụng như sau: Tính từ bậc 1, sau mỗi khoảng thời gian 03 năm (đủ 36 tháng) được xếp lên 1 bậc lương. Sau khi quy đổi thời gian để xếp vào bậc lương, nếu có số tháng chưa đủ 36 tháng thì số tháng này được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

2. Trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên

Căn cứ vào tổng thời gian công tác được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng xác định phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, tính từ bậc 1, sau mỗi khoảng thời gian 03 năm (đủ 36 tháng) đối với trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương hoặc sau mỗi khoảng thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) đối với trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch nhân viên được xếp lên 1 bậc lương. Sau khi quy đổi thời gian để xếp vào bậc lương, nếu có số tháng chưa đủ 36 tháng (đối với trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương) hoặc chưa đủ 24 tháng (đối với trường hợp tuyển dụng vào vị trí việc làm xếp lương ở ngạch nhân viên) thì số tháng này được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này thay đổi thì thực hiện theo quy định tại các văn bản thay đổi đó.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp được giao thẩm quyền quản lý công chức), Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, Vụ CCVC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Hải Long